

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Quản lý xây dựng trình độ đại học cho Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**QUẢN LÝ XÂY DỰNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		4,00	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	5			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		4,00	6	85,71
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	3			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>		4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,96	44	88

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**QUẢN LÝ XÂY DỰNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025  
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

**I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT**

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Quản lý xây dựng trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu Giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát; đã thể hiện cơ bản các mức năng lực yêu cầu của bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, được xây dựng theo định hướng CDIO. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được mô tả trong Bản mô tả CTĐT và phổ biến tới các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT đủ thông tin, tích hợp nội dung mới, được định kỳ cập nhật, được công khai trên trang tin chỉ của từng cá nhân người học. Chương trình đào tạo có đầy đủ các đề cương học phần trong CTĐT, sinh viên được tiếp cận đề cương học phần thông qua giảng viên cung cấp trực tiếp đầu học kỳ, đầu học phần.

3. Chương trình dạy học được xây dựng theo các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của kỹ sư Quản lý xây dựng. Các môn học trong chương trình dạy học được thiết kế nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm ở các cấp độ tăng dần. Cấu trúc chương trình dạy học có sự liên mạch giữa các khối kiến thức, được phân bổ khá hợp lý; bố trí các học phần đảm bảo tính logic của tiến trình đào tạo. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh, có tham khảo một số CTĐT trong nước, có nội dung cập nhật, có tính tích hợp, liên ngành kỹ thuật, kinh tế, quản lý, văn hoá - xã hội, pháp luật.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được công bố công khai trên website của Trường; được đăng trên các bảng tin tại các giảng đường, phòng họp và khuôn viên trường. Các hoạt động dạy, học được thiết kế cơ bản phù hợp để hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra; chú trọng rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành. Các hoạt động học tập đa dạng, môi trường thực hành, thực nghiệp đa dạng, phù hợp.

5. Quy chế đào tạo trình độ đại học, quy định về công tác thi và đánh giá kết quả học tập được xây dựng và ban hành. Khoa đã tiên phong đề xuất một số phương thức đánh giá tiên tiến: Đồ án nhóm, ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm, rubrics. Hình thức đánh giá đa dạng. Các quy định về kiểm tra đánh giá được

giảng viên phổ biến đến người học thông qua các hệ thống phần mềm Efssoft để điều chỉnh và cải thiện việc học tập. Việc xử lý khiếu nại của người học về kết quả học tập nhanh và thỏa đáng. Người học và cựu người học đều hài lòng về việc khiếu nại điểm do dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và việc giải quyết của Nhà trường.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch phát triển dựa trên Chiến lược phát triển Trường theo từng giai đoạn và Đề án vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy định rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực giảng viên được xác định và phổ biến công khai. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá. Kết quả công việc của giảng viên được quản trị theo quy định và các văn bản và hướng dẫn của Trường. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác định, được theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

7. Chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ, các thông báo tuyển dụng của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên đang làm việc tại các đơn vị chức năng của nhà trường có trình độ phù hợp với yêu cầu công việc. Các tiêu chí tuyển chọn về năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường xác định cụ thể, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Quy định về đánh giá, phân loại chất lượng viên chức và người lao động được rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn. Hàng năm, việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự và các tiêu chí đề ra trong quy định. Việc đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Quá trình xây dựng, rà soát cập nhật các quy chế, quy định về đánh giá, phân loại; thi đua khen thưởng; đào tạo bồi dưỡng đều có sự tham gia, góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc được triển khai hàng tháng, làm cơ sở để đánh giá phân loại kết quả viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm. Đội ngũ nhân viên được đánh giá có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

8. Chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên Website của trường, ngày hội tư vấn tuyển sinh và một số nền tảng mạng xã hội. Phương thức tuyển sinh được cập nhật hàng năm để phù hợp với chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như nhu cầu thực tiễn. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; được rà soát, đánh giá. Hệ thống giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập, có đầy đủ quy chế, quy định và quy trình giám sát, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên; cơ sở dữ liệu đánh giá được lưu trữ, phân tích thông qua phần mềm quản lý ESSoft. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ khác đã được triển khai. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc thân thiện, thoải mái. Khuôn viên sạch sẽ, trang thiết bị trong giảng đường, phòng học, hội trường, phòng họp

tương đối hiện đại, tiện nghi tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; có thư viện với đủ các tiện ích để người học tự nghiên cứu, tự học và làm việc nhóm. Nguồn học liệu đa dạng với bản cứng và bản mềm được cập nhật hằng năm đủ phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường đầu tư trang thiết bị hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng cho học trực tuyến và các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường và an toàn, an ninh được xác định xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập có các quy định và công cụ thực hiện. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến việc dạy và học; có nhiều bài báo được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong chương trình dạy học. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

11. Trong giai đoạn đánh giá, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên gần với thời gian thiết kế. Tỷ lệ phản hồi khảo sát việc làm (84.2% - 100%) và tỷ lệ có việc làm/số sinh viên phản hồi khảo sát (91.0% - 100%) đều ở mức khá cao. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt 12.5% và có xu hướng tăng.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra, bám sát hơn nữa theo yêu cầu Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bổ sung định hướng đào tạo trong mục tiêu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, bổ sung mức năng lực cụ thể, rõ ràng hơn để có thể đo lường, đánh giá được; xây dựng các chỉ báo (PI) của chuẩn đầu ra để có thể dễ đo lường, đánh giá; phân tích, đánh giá một cách khoa học về nhu cầu thị trường lao động; tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan bằng nhiều hình thức chú trọng nhà tuyển dụng, cựu sinh viên theo vị trí việc làm; hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra, bổ sung khảo sát mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

2. Rà soát, bổ sung đề cương học phần đảm bảo 100% đề cương học phần có đầy đủ thông tin; ban hành văn bản quy định các mẫu biểu, quy trình, hướng dẫn phục vụ xây dựng Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần; rà soát, điều chỉnh tính tương thích ma trận chuẩn đầu ra và các học phần, mức độ, trọng tâm đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT đảm bảo các chuẩn đầu ra của học phần đóng góp phù hợp vào chuẩn đầu ra CTĐT; rà soát ma trận các hình thức/phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá với các chuẩn đầu ra; cập nhật nội dung và phương pháp dạy - học của học phần thích ứng với yêu cầu của nghề nghiệp, của cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Nâng cao hơn nữa hiệu quả rà soát, cải tiến chất lượng để đảm bảo 100% các học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra; rà soát sự tương thích giữa phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, mức đo tương ứng của chuẩn đầu ra của các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; xây dựng các PI và hoàn chỉnh công cụ đánh giá chuẩn đầu ra học phần; đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá nhằm đạt được mức độ chuẩn đầu ra của mỗi học phần để có cơ sở cải tiến khi rà soát đề cương học phần; sử dụng các ma trận chuẩn đầu ra học phần, ma trận nội dung học tập và phương pháp dạy học - phương pháp kiểm tra đánh giá để rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học; đối sánh thêm CTĐT với CTĐT quốc tế hướng tới tầm nhìn năm 2030; bổ sung học phần, tăng kiến thức đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng hướng dẫn và có biện pháp giám sát, đánh giá giờ tự học, tự nghiên cứu trong đề cương chi tiết học phần; tăng thêm nữa thời lượng thực hành trong CTĐT.

4. Đa dạng hóa các kênh phổ biến Triết lý giáo dục của Trường tới các bên liên quan; định kỳ đánh giá hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học; đảm bảo tính hệ thống từ khâu thiết kế các hoạt động dạy - học để đạt được chuẩn đầu ra; tích hợp các hoạt động dạy - học, học tập trải nghiệm tại Trường và doanh nghiệp; tăng sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học; xây dựng các hệ thống LMS cho đào tạo trực tuyến; hoàn thiện các hướng dẫn người học tự học trong các đề cương học phần; chú trọng phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tính chủ động của sinh viên; đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; tăng cường đánh giá và khuyến khích kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

5. Áp dụng khoa học đo lường đánh giá để xác định và đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy của đề thi, làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đề thi; hoàn thiện ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận, thực hiện phân tích, đánh giá đề thi thường xuyên để làm phong phú hơn các hình thức đánh giá kết quả và tiến bộ của người học; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát để tăng cường tính khách quan, công bằng trong kiểm tra đánh giá, đặc biệt đối với kết quả thi giữa kỳ; có hình thức giám sát, đánh giá đối với tự học/tự nghiên cứu; đánh giá đề thi một cách đầy đủ và đồng bộ nhằm tăng cường độ tin cậy, độ giá trị và sự công bằng trong công tác kiểm tra đánh giá, giám sát các câu hỏi trong ngân hàng đề thi theo chuẩn đầu ra, phân tích độ khó và sự phù hợp của đề thi qua thử nghiệm để chuẩn

hóa. Rà soát, đánh giá sự phù hợp của từng hình thức kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của từng học phần trong đề cương chi tiết học phần; xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, về năng lực tự chủ và trách nhiệm, việc tự học; thực hiện phân tích phổ điểm kết quả thi, đối chiếu với điểm quá trình để đánh giá quá trình dạy và học với kết quả học phần, so sánh giữa các năm để cải tiến.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng sự phát triển của Khoa/ngành trong từng giai đoạn cụ thể; có chính sách thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tạo điều kiện cho các giảng viên đạt chuẩn PGS, đảm bảo tương xứng với vị thế của ngành; bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá giảng viên; tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu về phát triển CTĐT; có biện pháp hỗ trợ để phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên.

7. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên tương ứng với sự phát triển về quy mô đào tạo; xác định hệ số hợp lý đối với vị trí thư ký khoa, trợ lý đào tạo và trợ lý sinh viên, theo quy mô người học; xây dựng bộ tiêu chí có tính định lượng, dễ đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; rà soát nội dung các phiếu khảo sát để thu thập được các thông tin phản hồi về mức độ đáp ứng, mức độ hài lòng về đội ngũ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm; phân tích, đánh giá kết quả khảo sát làm cơ sở để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ; xây dựng kế hoạch chi tiết về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu đặc thù của từng vị trí việc làm cho đội ngũ nhân viên và triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức các khóa tập huấn về chuyên môn sâu cho đội ngũ nhân viên, đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; quy định biểu mẫu kế hoạch công tác cá nhân và ban hành quy định/hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, đăng ký đào tạo, bồi dưỡng; có các KPIs rõ ràng để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được khách quan; thông báo kết quả xếp loại và bình xét thi đua hàng năm đảm bảo nhận được sự phản hồi từ đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường để tạo sự khách quan, công bằng trong công tác thi đua khen thưởng.

8. Tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở đề xuất điều chỉnh chính sách và quy định tuyển sinh; đánh giá phương pháp tuyển sinh phân tích hiệu quả, ưu, nhược điểm của từng phương pháp tuyển sinh; phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan và đề xuất điều chỉnh; rà soát, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, tăng tốc độ xử lý dữ liệu, tăng khả năng dự báo, cảnh báo học vụ đối với sinh viên; đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm; khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, phân tích dữ liệu thống kê theo Khoa, Ngành đào tạo.

9. Rà soát các phòng học, kiểm tra hệ thống trang thiết bị như điều hòa, máy chiếu để bổ sung mới để tạo môi trường học tập hiệu quả; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý thư viện số; rà soát giáo trình và tài liệu



dạy học theo CTĐT để lên kế hoạch biên soạn, thẩm định và ban hành theo quy định của Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành, máy tính, phần mềm hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu đáp ứng với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Rà soát phiếu khảo sát sự hài lòng các bên liên quan về mức độ đáp ứng của phòng thực hành; đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống wifi trong toàn trường để có giải pháp nâng cấp tốc độ đường truyền; phân tích sâu kết quả khảo sát của các bên liên quan để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin; ban hành văn bản của Trường về quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; khảo sát đa dạng các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Rà soát quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, chương trình dạy học; chú trọng thu thập yêu cầu năng lực các vị trí việc làm của bên sử dụng lao động và cựu sinh viên làm cơ sở rà soát, điều chỉnh CTĐT, chương trình dạy học; cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, chương trình dạy học của Trường phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ sung hoạt động rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học và thể hiện đồng bộ trong kế hoạch rà soát CTĐT, chương trình dạy học; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học cho từng CTĐT, nâng cao hiệu quả, chất lượng cải tiến CTĐT; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; bổ sung các tiêu chí phù hợp cho hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, chia sẻ kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá, đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả tiếp tục giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng và trước hạn; chú trọng khảo sát vị trí việc làm của những sinh viên tốt nghiệp có việc làm chỉ liên quan đến ngành đào tạo; nâng cao năng lực lập nghiệp cho sinh viên khi thiết kế CTĐT của ngành; tiếp tục tăng tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với việc giảng dạy các môn học; tổ chức cho sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu trên ISSN và ISBN và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học sáng tạo ngoài trường. Phân tích đầy đủ kết quả đối sánh với các CTĐT tương đương trong và ngoài nước; nâng cấp Bộ câu hỏi khảo sát bám sát yêu cầu đổi mới CTĐT, phân tích tương quan giữa kết quả khảo sát các bên liên quan khác nhau để tăng tính khách quan và thiết thực hỗ trợ việc phát triển CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản lý xây dựng, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.